

Số: /TTYT

Sơn Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Thông báo kết luận của Ban Giám đốc, Hội đồng Khoa học – Công nghệ ngày 20/01/2026.

Trung tâm Y tế Sơn Hòa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo giá một số trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Sơn Hòa năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Sơn Hòa

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Thông tin nhận báo giá: Khoa Dược TTB-TTYT, Trung tâm Y tế Sơn Hòa.

Địa chỉ: 67 Nguyễn Chí Thanh, xã Sơn Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

SĐT: 02573.681.893/ 0916615554 (Ks. Cường).

Email: ttytdpsonhoa@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: 67 Nguyễn Chí Thanh, xã Sơn Hòa, tỉnh Đắk Lắk. (*bản gốc đóng mộc*)
- Nhận qua email: ttytdpsonhoa@gmail.com (*File mềm + bản scan*)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00' ngày 21 tháng 01 năm 2026 đến trước 17h00' ngày 30 tháng 01 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày nhà cung cấp ký báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục báo giá, bao gồm:

STT	Tên danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
01	Máy huyết áp cơ Người lớn	1. Thông số kỹ thuật đo lường Phạm vi đo áp suất: Từ 0 đến 300 mmHg. Độ chính xác: Sai số tối đa cho phép là ± 3 mmHg (theo tiêu chuẩn ISO 81060-1). Vạch chia độ: Mỗi vạch tương ứng với 2 mmHg trên đồng hồ cơ. 2. Kích thước vòng bít (Cuff) Vòng bít cho người lớn cần được chọn đúng kích cỡ để đảm bảo độ chính xác: Chu vi bắp tay phù hợp: Thường dao động từ 25 cm đến 40 cm (tương đương khoảng 10 - 16 inch). Chất liệu: Thường làm bằng vải nylon bền hoặc cotton, bao gồm khóa dán hoặc vòng chữ D (D-ring) để dễ dàng tự quấn.	Máy	04	
02	Máy huyết áp cơ TE	1. Thông số kỹ thuật đo lường Phạm vi đo áp suất: Thường từ 0 đến 300 mmHg hoặc 20 đến 300 mmHg. Độ chính xác: Sai số cho phép rất thấp, thường là ± 3 mmHg. Vạch chia độ: Mỗi vạch tương ứng với 2 mmHg giúp dễ dàng theo dõi các thay đổi nhỏ. 2. Kích thước vòng bít (Cuff) - Điểm khác biệt lớn nhất Vòng bít cho trẻ em được thiết kế ngắn và hẹp hơn để vừa với bắp tay nhỏ: Kích cỡ phổ biến: Trẻ sơ sinh (Newborn): Chu vi tay khoảng 13 - 19 cm. Trẻ em (Child/Pediatric): Chu vi tay từ 18,4 cm đến 26,7 cm (tùy hãng có thể dao động 17 - 22 cm). Chiều rộng vòng bít: Thường khoảng 8,25 cm (so với 14 cm ở người lớn) để không che khuất khuỷu tay của trẻ.	Máy	01	
03	Tai nghe	Chiều dài ống nghe (thường ~69cm), trọng lượng (~150g), thiết kế mặt nghe hai mặt (màng lớn/nhỏ) cho đa khoa hoặc trẻ em, vật liệu cao su/nhựa y tế chất lượng cao, khả năng khuếch đại và lọc âm thanh tần số cao/thấp tốt	Cái	07	

STT	Tên danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
04	Máy huyết áp điện tử	Khoảng đo: 0 – 299 mmHg Độ chính xác: +/- 3mmHg Kích thước máy: 103 x 80 x 129 mm Trọng lượng máy: 250g (chưa bao gồm pin) Nguồn điện: 4 viên pin AA hoặc sử dụng bộ đổi điện Omron Vòng bit: size M (chu vi bắp tay từ 22 – 32cm) Trọng lượng vòng bit: 130g (size M)	Máy	6	
05	Nhiệt kế điện tử	Loại Pin: 2 pin AAA 1,5V Nhiệt kế đo: Đo trán Đối tượng sử dụng: Người lớn, Trẻ em Khoảng đo: 0 - 100 độ C Bộ nhớ: 30 kết quả đo Độ chính xác: $\pm 0,2^{\circ}\text{C}$ Điện thế pin: 2 pin 1,5V AAA Thời gian đo: 1 giây Độ C: 0 độ C - 100 độ C Khoảng cách đo: 1 - 3cm Độ tuổi phù hợp: Mọi độ tuổi Màn hình hiển thị: Có Độ F: 32.0 độ F - 212.0 độ F	Máy	4	
06	SP02 cầm tay	Phạm vi đo: Đo SpO2 (35% - 100%), Nhịp tim (25 - 250 bpm) Loại Pin: 2 viên pin 1.5V AAA Kích thước: 62mm x 37mm x 32mm	Cái	9	
07	Máy điện tim	Tính năng kỹ thuật máy: *Máy chính: Màn hình LCD màu 7 inch Điều khiển cảm ứng - Touch Screen Độ phân giải cao 800 x 480 dots Kết nối qua 3 USB (1 cho cổng Adapter wifi), LAN Trọng lượng: 2.0 kg *ECG: + Đạo trình: ghi được 12 đạo trình tiêu chuẩn + Độ nhạy lựa chọn: 1/4 ; 1/2 ; 1; 2 cm/mV; bằng tay hoặc tự động + Hằng số thời gian : 3,2 giây hoặc giá trị tốt hơn. + Tần số phản hồi : 0.05Hz - 150Hz (trong vòng -3dB)	Máy	1	

STT	Tên danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		+ CMR: 103dB hoặc lớn hơn + Điện áp phân cực: $\pm 600\text{mV}$ hoặc giá trị tốt hơn + Chuyển đổi A/D: 18 bits + Tần số mẫu: 8000 mẫu/giây/kênh + Bộ lọc: AC: 50 hoặc 60 Hz, -20 dB hoặc thấp hơn + Cơ: 25 hoặc 35 Hz, -3 dB (-6dB/oct) + Trôi, lệch: 0.25 hoặc 0.5 Hz, -3 dB (-6dB/oct). *Bộ nhớ lưu trữ: Bộ nhớ, lưu trữ dữ liệu: bộ nhớ bên trong máy tới 500 phép đo. *Hiển thị: + Màn hình màu LCD rộng + Kích thước: 115 mmx 86 mm + Độ phân giải: 800 x 480 dots, + Hiển thị: 6/12 đạo trình/ màn hình. *Hoạt động: Màn hình chạm và phím cứng. *Máy in: + Phương pháp: in nhiệt + Tốc độ ghi: 5; 10; 12.5; 25; 50 mm/giây. + Giấy in: Kiểu in nhiệt chia ô theo mm, cuộn khổ: 63mm x 30m (OP-119TE) hoặc giấy xấp khổ: 63mm x 20m (OP-122TE). *Giao diện kết nối: + Giao diện: cổng mạng LAN và USB + Máy có cấu tạo bảo vệ quá điện, khử rung, tự ổn định. Dựa theo các tiêu chuẩn bảo vệ và an toàn quốc tế: IEC 60601-1; IEC60601-2-25. Tiêu chuẩn an toàn về điện Class I, type CF; CE. *Phần mềm quản lý dữ liệu máy điện tim Fukuda Denshi. => Chức năng: Kết nối máy điện tim với máy vi tính, truyền thông tin bệnh qua máy vi tính, và in kết quả điện tim ra trên giấy A4. (Đã bao gồm cấu hình máy) *Điện áp: 100 - 240 VAC $\pm 10\%$, 50/60Hz; 70 VA hoặc DC 9.6V (tùy chọn thêm), 40W. *Kích thước: 190 x 250 x 71 mm *Trọng lượng: 2.0 kg (không kể pin).			

STT	Tên danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		*Tiêu chuẩn an toàn và chất lượng Cấu tạo bảo vệ chống sốc điện, khử rung, tự ổn định theo các tiêu chuẩn bảo vệ và an toàn quốc tế: IEC 60601-1, IEC60601-2-25, IEC60601-2-51; class I, type CF.			
08	Máy nhiệt độ ẩm phòng	Loại: Nhiệt ẩm kế Khoảng đo nhiệt độ: -30 độ C đến 70 độ C Độ chính xác nhiệt độ: ± 0.5 độ C Bộ nhớ: 32.000 kết quả Chất liệu: Nhựa ABS	Cái	3	
Tổng cộng: 08 mặt hàng					

2. Địa điểm cung cấp các mặt hàng tại địa chỉ: Khoa Dược TTB-TTYT, Trung tâm Y tế Sơn Hòa, 67 Nguyễn Chí Thanh, xã Sơn Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2026

4. Các thông tin khác: Tất cả các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của trang thiết bị y tế.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Công ty:
Địa chỉ:
Số ĐT:

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế Sơn Hòa

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số /TTYT, ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Y tế Sơn Hoà, chúng tôi đại diện nhà cung cấp báo giá mặt hàng như sau:

1. Báo giá các mặt hàng như sau:

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất, nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1							
2							
	Tổng cộng: ... mặt hàng						

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng ngày, kể từ ngày tháng ... năm 2026 (Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày)

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác, không thuộc các trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thuốc nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là cần thiết.

....., ngày ... tháng ... năm 2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)